

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam có phiên tăng điểm nhẹ sau khi trải qua ngày thứ 2 liên tiếp không có ca mắc mới Covid-19

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến tăng nhẹ, tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

HPG

[Quan điểm đầu tư]

Chờ nhịp điều chỉnh rõ nét hơn của chỉ số, chỉ mở lại một phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số điều chỉnh về vùng hỗ trợ gần tại 855-860

31/08/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	881.65	+0.30
VN30	823.93	+0.24
HĐTL VN30F1M	824.10	+0.13
HNXIndex	124.85	-0.79
HNX30	232.09	-0.80
UPCoM	58.82	-0.86
USD/VND	23,175	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.89	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	+5
Dầu (WTI, \$)	43.44	+1.09
Vàng (LME, \$)	1,964.25	-0.03

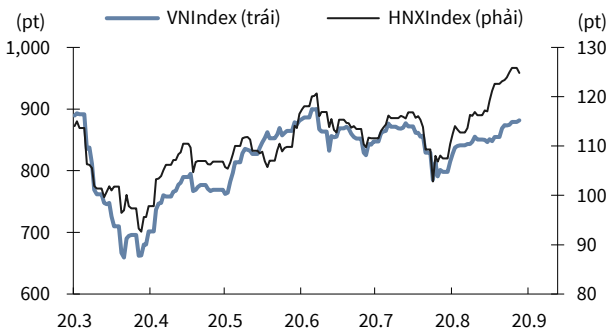


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	881.65 (+0.30%)
KLGD (triệu CP)	333.3 (+4.8%)
GTGD (triệu US\$)	273.1 (-17.7%)
HNXIndex	124.85 (-0.79%)
KLGD (triệu CP)	68.6 (-12.9%)
GTGD (triệu US\$)	26.9 (-7.7%)
UPCoM	58.82 (-0.86%)
KLGD (triệu CP)	27.3 (-29.2%)
GTGD (triệu US\$)	13.3 (-5.5%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-13.0

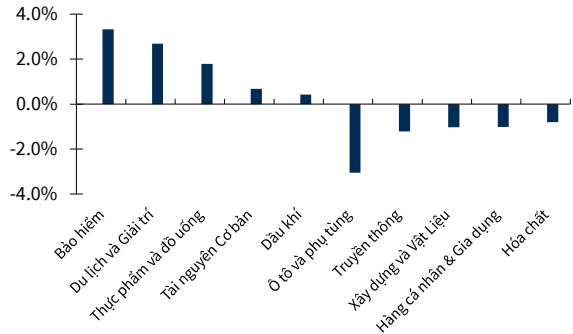
TTCK Việt Nam có phiên tăng điểm nhẹ ngày hôm nay sau khi trải qua ngày thứ 2 liên tiếp không có ca mắc mới Covid-19. Kỳ vọng dịch Covid-19 lần 2 được kiểm soát giúp nhóm cổ phiếu ngành bia như SAB (+5.2%), BHN (+0.4%) và ngành hàng tiêu dùng như MSN (+0.9%), MWG (+0.6%) đồng loạt tăng giá. Thông tin Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đồng ý mở lại và tăng dần các chuyến bay quốc tế đến các nước và vùng lãnh thổ đã cơ bản khống chế được dịch COVID-19 giúp cổ phiếu hàng không đồng loạt tăng mạnh ở ACV (+4.7%), HVN (+4.3%), VJC (+2.4%). Trong khi đó, cổ phiếu ngành đường điều chỉnh ở SBT (-1.7%), QNS (-3%), tương đương với diễn biến điều chỉnh của giá đường thế giới. Cổ phiếu dệt may như TMC (-0.2%), MSH (-1.3%) giảm giá sau thông tin kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam trong tháng 8 sụt giảm -11.6% so với cùng kỳ. Cổ phiếu đầu ngành thép HPG (+1%) tăng giá sau thông tin lò cao số 3 của khu Liên Hợp Dung Quất đã chính thức được đưa vào hoạt động. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng, tập trung ở VHM (-0.1%), VIC (+0.1%), VRE (-0.7%).

VNIndex & HNXIndex



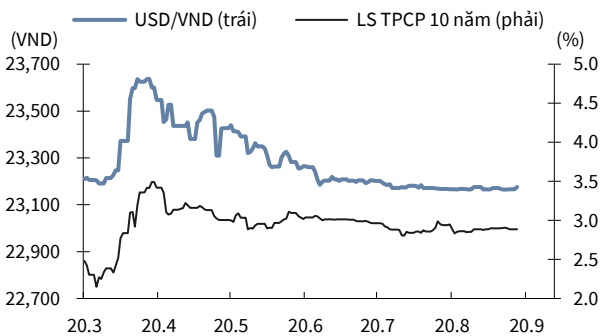
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



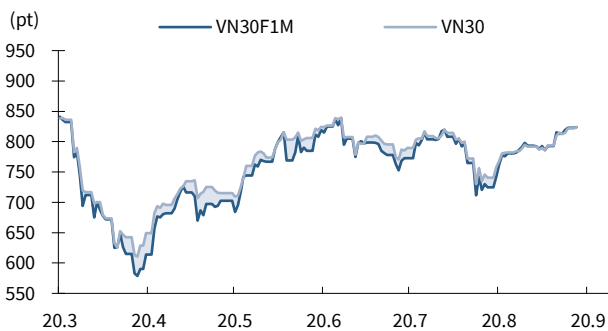
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	823.93 (+0.24%)
VN30F1M	824.1 (+0.13%)
Mở cửa	829.0
Cao nhất	830.5
Thấp nhất	821.5
KLGD (HĐ)	140,682 (-2.2%)

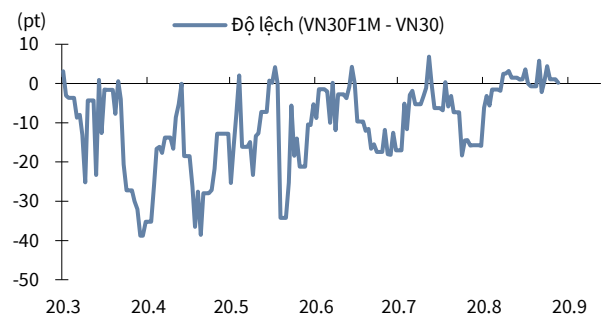
HĐTL diễn biến tăng nhẹ, tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2009 và VN30 mở cửa ở mức cao nhất trong ngày 7.37 điểm, trước khi thu hẹp dần vào cuối phiên và đóng cửa ở mức 0.17 điểm khi nhà đầu tư cover vị thế LONG về cuối phiên trước diễn biến suy yếu của chỉ số Dow Future. NĐTNN giao dịch trầm lắng trong phiên hôm nay với mức bán ròng nhẹ. Thanh khoản thị trường không có nhiều sự thay đổi, giữ ở mức trung bình.

HĐTL VN30F1M & VN30



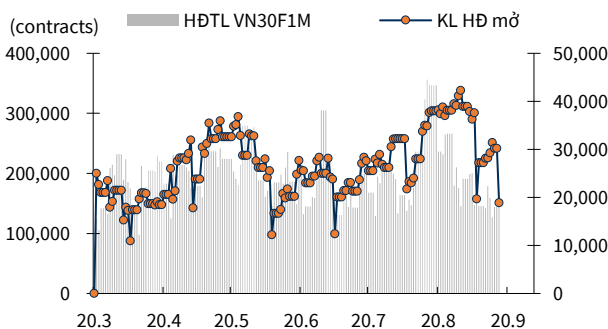
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



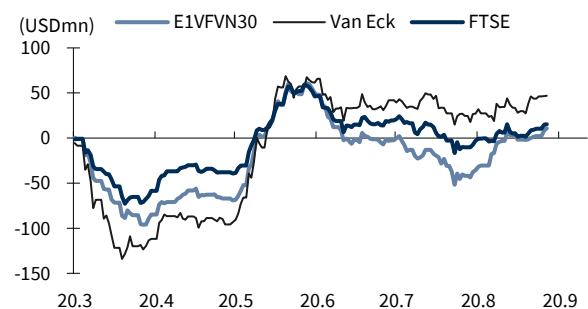
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

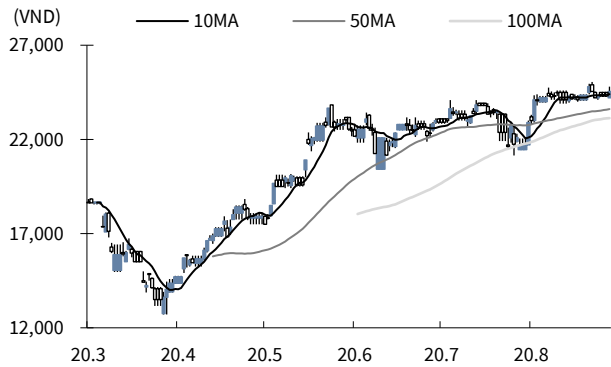
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 1% lên 24,550 VNĐ/cp.
- HPG thông báo lò cao số 3 của Khu Liên hợp Gang thép Hòa Phát Dung Quất đã được đưa vào vận hành thành công. Cụ thể, ngày 24/8, lò cao số 3 của dự án đã chính thức đi vào sản xuất, cung cấp thép cuộn cán nóng (HRC) ra thị trường từ cuối tháng 9. Sau 30 ngày kể từ ngày bắt đầu hoạt động, lò cao số 3 sẽ đạt công suất thiết kế, đưa công suất của khu liên hợp lên mức 12,000 tấn/ngày.
- Về lò cao số 4, tiến độ xây dựng đang diễn ra thuận lợi và dự kiến hoạt động ổn định vào đầu năm 2021. Khi đó, sản lượng thép thô tối đa của khu liên hợp sẽ đạt 16,000 tấn/ngày, tương đương khoảng 5 triệu tấn/năm.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

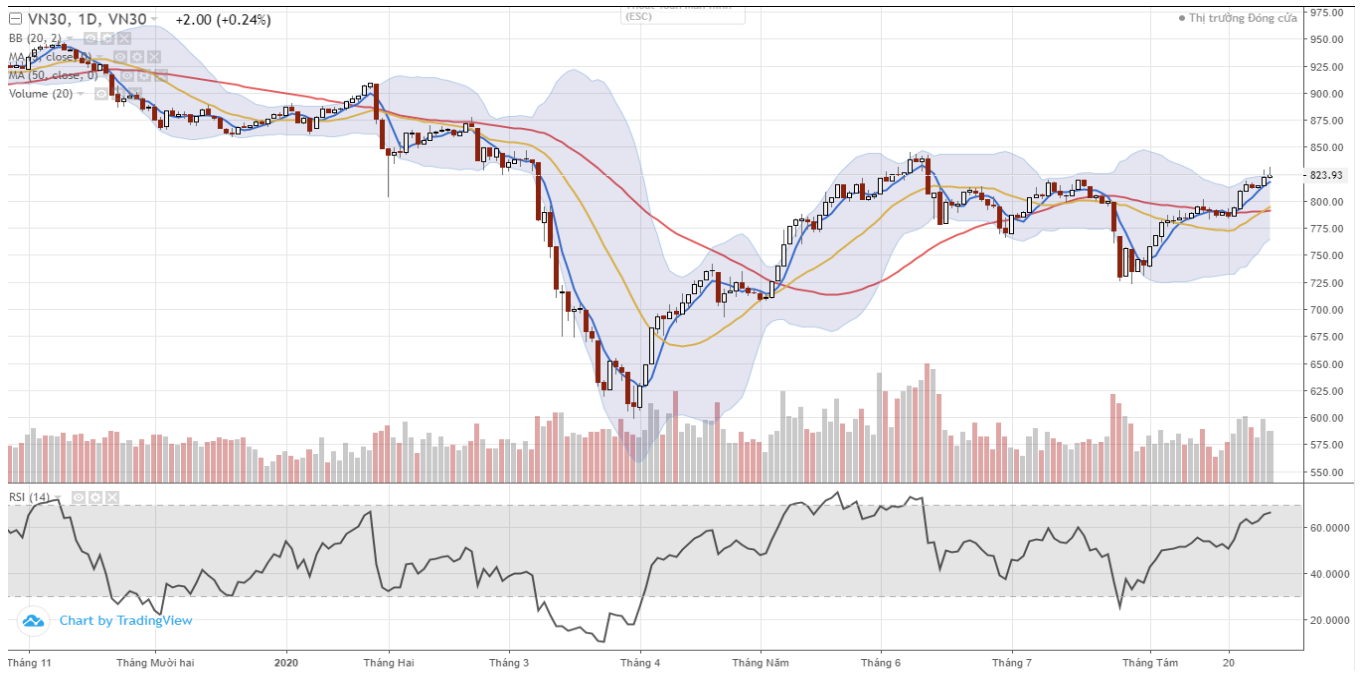
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

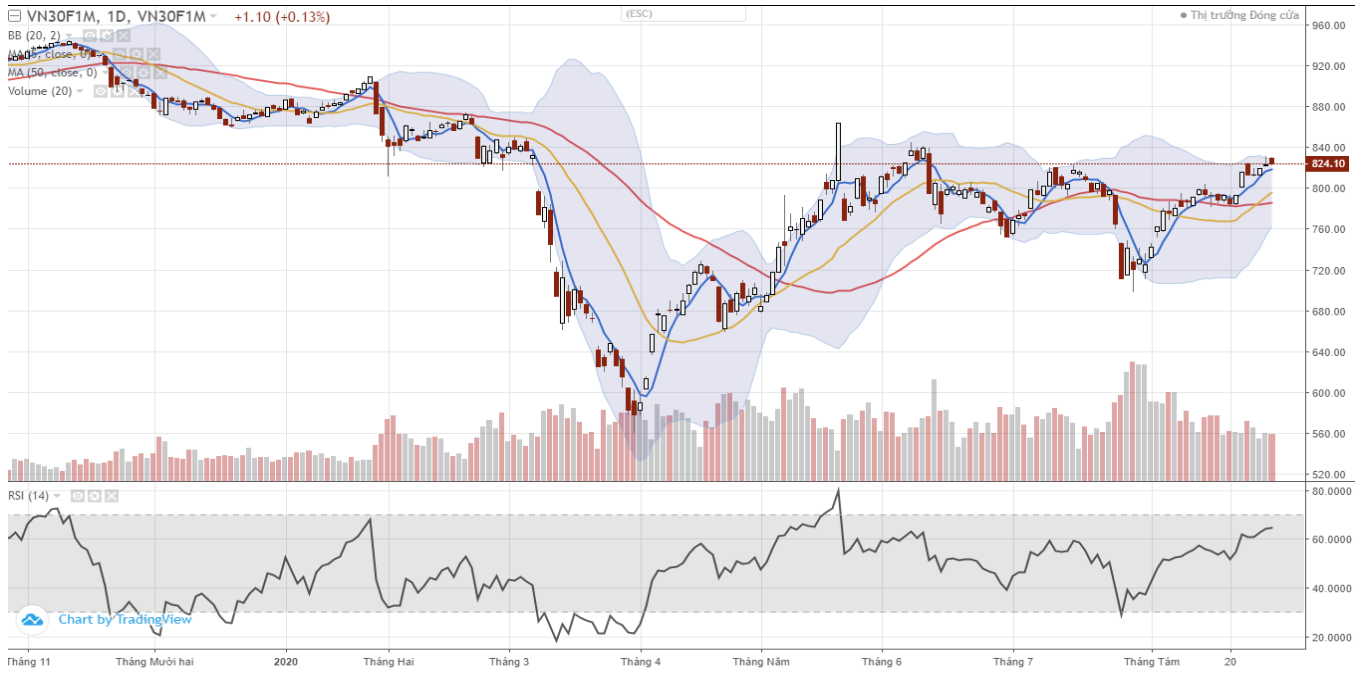
- Nỗ lực mở rộng nhịp tăng của chỉ số tiếp tục vấp phải áp lực bán mạnh tại vùng kháng cự 880 vào cuối phiên, xóa bỏ phần lớn mức tăng trong phiên.
- Với sự xuất hiện của 2 mẫu nến inverted hammer liên tiếp, trong khi một số chỉ báo động lượng khung ngày đã tiến lên vùng quá mua, chúng tôi cho rằng rủi ro điều chỉnh ngắn hạn của chỉ số đang ngày một gia tăng.
- NĐT được khuyến nghị chờ nhịp điều chỉnh rõ nét hơn của chỉ số, chỉ mở lại một phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số điều chỉnh về vùng hỗ trợ gần tại 855-860.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 diễn biến tăng điểm nhưng áp lực bán mạnh vào cuối phiên đã thu hẹp phần lớn số điểm đạt được trong phiên.
- Rủi ro điều chỉnh của chỉ số tiếp tục gia tăng khi xuất hiện thêm mẫu nến inverted hammer trong khi một số chỉ báo động lượng khung ngày đã tiến lên vùng quá mua.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự trong phiên nhưng đồng thời đặt điểm STOP nếu chỉ số cho tín hiệu bứt phá thành công.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

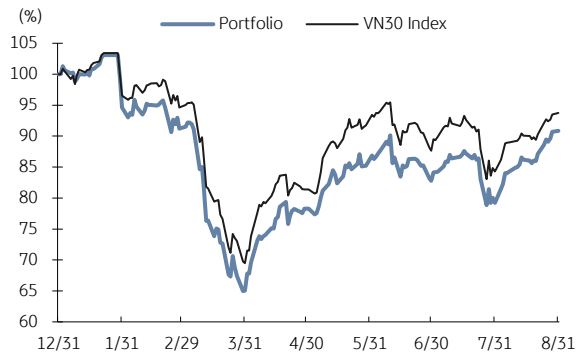
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.24%	0.19%
Tăng lũy kế (YTD)	-6.27%	-9.14%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 31/08/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	93,400	0.6%	-19.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,600	-1.1%	3.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	60,000	-1.3%	-21.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,950	0.3%	-9.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	36,900	0.1%	8.5%	- Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	49,500	-0.8%	47.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,700	2.4%	5.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	103,000	2.4%	-20.3%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,550	1.0%	25.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	13,700	-1.8%	0.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	0.4%	14.8%	84.7
CTG	2.4%	30.0%	14.5
VNM	1.4%	58.5%	7.5
HDB	0.5%	20.8%	5.4
NLG	-1.1%	48.1%	3.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.1%	20.7%	-101.2
VIC	0.1%	13.8%	-49.0
VRE	-0.7%	30.5%	-47.0
VCB	-0.5%	23.7%	-28.6
HCM	-1.6%	50.6%	-23.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
LHC	0.2%	23.4%	1.3
CTB	9.5%	6.2%	0.1
AMV	1.8%	3.8%	0.1
EID	2.6%	21.5%	0.1
SCI	-5.3%	0.0%	0.0

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-0.7%	6.6%	-5.0
PVS	-0.8%	10.6%	-3.7
DXP	9.7%	37.9%	-3.1
VCS	-0.9%	3.1%	-2.2
VCG	-1.7%	0.4%	-1.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	8.6%	MWG, PET
Dầu khí	8.0%	PLX, PVD
Bảo hiểm	6.2%	BVH, BMI
Truyền thông	5.8%	YEG, PNC
Du lịch và Giải trí	3.5%	HVN, VJC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-0.7%	HPG, HSG
Bất động sản	0.1%	VHM, VPI
Y tế	0.3%	IMP, PME
Xây dựng và Vật Liệu	0.3%	VGC, BMP
Ô tô và phụ tùng	0.6%	CSM, HTL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	20.0%	PLX, PVD
Bán lẻ	20.0%	MWG, FRT
Hóa chất	15.3%	GVR, DPM
Bảo hiểm	15.2%	BVH, BIC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.5%	APH, GEX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	2.7%	NVL, VPI
Ô tô và phụ tùng	5.6%	CSM, CTF
Tài nguyên Cơ bản	8.0%	VIS, SVT
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.7%	SHP, TDM
Y tế	9.1%	IMP, PME

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	90,000	304,419 (13,136)	43,812 (1.9)	22.9	46.9	35.6	21.9	7.9	8.8	3.5	3.2	0.1	1.1	2.9	-21.7
	VHM	VINHOMES JSC	78,500	258,227 (11,142)	122,252 (5.3)	28.4	9.6	8.4	34.8	38.3	30.6	3.0	2.3	-0.1	-1.9	1.0	-7.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,000	61,353 (2,647)	60,627 (2.6)	18.5	24.2	17.9	2.7	9.1	11.7	2.1	2.0	-0.7	0.4	7.6	-20.6
	NVL	NO VA LAND INVES	63,800	61,939 (2,673)	97,323 (4.2)	32.5	17.0	17.7	1.8	14.3	11.9	2.4	-	1.3	1.3	-2.0	7.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,350	13,607 (587)	11,052 (0.5)	5.6	12.6	10.5	14.3	14.2	15.7	1.6	1.5	-0.6	1.9	11.9	-5.0
	DXG	DAT XANH GROUP	9,680	5,017 (216)	46,758 (2.0)	13.1	7.1	4.7	-29.0	8.4	14.0	0.6	0.5	-3.2	1.9	10.3	-33.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	83,000	307,837 (13,283)	70,010 (3.0)	6.3	18.5	15.3	11.8	19.9	19.6	3.1	2.6	-0.5	-1.1	8.6	-8.0
	BID	BANK FOR INVESTM	40,950	164,702 (7,107)	36,464 (1.6)	12.3	33.9	20.2	-8.6	9.3	12.3	2.2	2.0	1.0	3.3	11.7	-11.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,300	74,553 (3,217)	44,647 (1.9)	0.0	7.3	6.2	3.6	15.6	15.5	1.0	0.9	-1.4	1.7	17.4	-9.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,700	95,691 (4,129)	111,672 (4.8)	0.0	13.8	11.3	18.7	10.2	11.4	1.2	1.1	2.4	5.3	21.2	23.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,350	56,921 (2,456)	82,627 (3.6)	0.0	7.3	6.3	1.6	16.7	16.2	1.1	1.0	-1.1	0.6	15.6	16.8
	MBB	MILITARY COMMERC	17,950	43,285 (1,868)	78,053 (3.4)	0.0	6.0	5.0	8.0	18.0	17.8	0.9	0.8	0.3	0.8	14.0	-13.7
	HDB	HDBANK	28,350	27,384 (1,182)	24,791 (1.1)	9.3	6.9	6.0	19.5	20.2	20.1	1.2	1.0	0.5	0.5	18.4	2.9
	STB	SACOMBANK	11,200	20,201 (872)	90,258 (3.9)	14.4	12.4	7.9	1.6	6.5	9.3	-	-	-1.3	-0.9	10.9	11.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,500	18,373 (793)	2,488 (0.1)	0.0	6.4	5.0	26.3	22.5	20.2	1.1	0.9	0.9	0.4	9.2	6.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,250	21,208 (915)	3,738 (0.2)	0.1	37.1	35.6	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	-1.1	1.8	4.2	-3.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	49,900	37,042 (1,598)	31,968 (1.4)	20.8	32.4	25.6	-0.7	6.3	7.7	1.9	1.8	3.9	6.4	23.5	-27.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	24,300	2,220 (096)	7,153 (0.3)	14.1	-	-	-	8.2	9.1	1.0	0.9	0.0	7.3	21.5	-2.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	14,900	8,954 (386)	60,160 (2.6)	51.3	10.5	8.3	-17.7	8.2	10.7	0.9	0.8	-1.3	-0.7	10.0	-4.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	25,200	4,140 (179)	15,781 (0.7)	70.9	9.0	7.0	-24.9	11.1	13.0	0.9	0.9	-1.2	6.8	25.7	-14.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	18,550	5,660 (244)	43,487 (1.9)	49.5	12.7	7.9	-22.5	11.0	17.1	1.3	1.2	-1.6	0.8	12.4	-13.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,050	2,513 (108)	6,983 (0.3)	13.8	10.8	6.8	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.7	-0.8	1.7	7.6	-16.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	121,000	210,707 (9,092)	138,916 (6.0)	41.5	20.5	19.1	6.0	37.5	38.1	7.0	6.3	1.4	3.9	13.1	3.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	191,500	122,805 (5,299)	26,367 (1.1)	36.8	30.3	26.2	-1.0	20.9	23.2	6.1	5.5	5.2	4.6	14.0	-16.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	55,000	64,608 (2,788)	67,230 (2.9)	10.6	71.7	27.0	-56.9	2.4	6.2	1.5	1.5	0.9	2.6	8.9	-2.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,200	13,524 (584)	12,068 (0.5)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-1.6	2.1	-12.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	103,000	53,955 (2,328)	36,387 (1.6)	12.2	-	15.6	-	8.9	21.4	3.3	3.1	2.4	3.0	9.0	-29.5
	GMD	GEMADEPT CORP	22,700	6,740 (291)	14,799 (0.6)	0.0	17.6	15.7	-54.7	6.9	7.5	1.1	1.1	-1.3	-1.3	24.0	-2.6
	CII	HO CHI MINH CITY	18,500	4,419 (191)	20,339 (0.9)	34.1	12.9	11.6	108.8	7.7	7.9	0.9	0.9	-2.4	0.8	6.3	-17.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,220	1,260 (054)	16,170 (0.7)	46.4	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-1.3	6.2	-87.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,200	10,433 (450)	110,761 (4.8)	33.2	27.2	11.7	-20.9	10.5	13.6	-	-	0.7	4.5	20.0	14.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	76,200	5,813 (251)	53,022 (2.3)	2.1	10.0	10.0	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.7	-1.7	-4.6	14.1	48.5
	REE	REE	36,900	11,441 (494)	16,582 (0.7)	0.0	7.5	6.6	-9.9	13.4	14.0	1.0	0.9	0.1	2.6	13.7	1.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	74,100	141,824 (6,120)	41,920 (1.8)	45.7	19.0	14.8	-18.6	15.5	19.2	2.9	2.7	-0.1	1.5	13.1	-20.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,650	6,520 (281)	6,479 (0.3)	30.4	9.3	9.2	-2.8	16.8	17.4	1.5	1.5	-1.1	-0.7	11.3	4.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,500	7,534 (325)	3,902 (0.2)	32.8	8.1	8.6	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	-1.3	-2.3	2.2	-12.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,550	81,341 (3,510)	288,711 (12.5)	13.5	8.7	7.2	4.2	18.1	19.4	1.5	1.3	1.0	-1.0	13.1	25.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,500	6,457 (279)	56,462 (2.4)	37.7	10.8	11.4	-0.7	8.8	7.9	0.8	0.8	4.8	4.1	20.9	27.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	9,290	4,918 (212)	17,447 (0.8)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	2.0	1.4	17.6	42.9
	HSG	HOA SEN GROUP	11,300	5,021 (217)	101,065 (4.4)	38.9	6.0	6.1	45.8	14.4	12.5	0.8	0.7	-0.9	-4.2	18.9	51.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,550	2,651 (114)	37,842 (1.6)	97.6	5.9	6.8	45.6	13.3	10.5	0.7	0.6	0.0	1.2	15.1	-1.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	52,500	63,305 (2,732)	48,492 (2.1)	5.2	51.0	18.8	-40.0	5.8	15.1	2.6	2.2	0.4	8.2	24.4	-6.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,250	4,738 (204)	61,750 (2.7)	36.9	44.1	22.6	-15.6	0.9	0.8	0.3	0.3	0.9	4.7	25.1	-25.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	11,600	3,265 (141)	17,801 (0.8)	27.6	7.6	6.7	-18.0	9.2	9.9	0.6	0.6	2.2	5.5	24.1	-31.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,400	42,280 (1,824)	73,450 (3.2)	0.0	12.0	9.4	9.5	26.4	27.0	2.7	2.3	0.6	11.1	25.4	-18.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	60,000	13,507 (583)	35,840 (1.5)	0.0	15.3	12.8	-1.4	21.3	23.1	2.6	2.4	-1.3	2.4	16.3	-30.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	52,000	1,534 (066)	635 (0.0)	69.3	21.9	15.9	-28.1	6.7	8.5	1.4	1.3	-1.7	6.8	13.3	40.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,800	1,880 (081)	12,980 (0.6)	13.4	15.9	10.8	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.2	-1.2	-3.4	16.7	13.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	56,500	7,656 (330)	87,219 (3.8)	36.2	7.2	6.9	29.4	36.8	29.8	2.5	2.2	-2.6	-3.4	13.0	47.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	105,500	13,794 (595)	1,546 (0.1)	45.3	20.7	19.1	8.0	20.3	19.8	3.9	3.6	-0.5	0.7	15.8	15.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	68,400	5,131 (221)	3,610 (0.2)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.6	6.9	26.0
IT	FPT	FPT CORP	49,500	38,803 (1,674)	83,973 (3.6)	0.0	11.0	9.4	19.1	24.0	25.3	2.4	2.2	-0.8	2.2	11.2	-2.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.